



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 21 năm học 2025-2026

(Từ ngày 02/02/2026 đến 06/02/2026)

TT	Thứ 2 (02/02)	Thứ 3 (03/02) <i>Bữa ăn học đường</i>	Thứ 4 (04/02)	Thứ 5 (05/02)	Thứ 6 (06/02)
1	Cá rô phi file chiên xù	Thịt gà om nấm	Thịt bò hầm sốt vang	Chả cốm chiên chấm sốt tương cà	Thịt viên sốt dầu hào
2	Đậu mơ sốt cà chua	Thịt lợn xào ngũ sắc	Trứng chưng hành	Thịt gà nấu cà ri	Đậu tằm hành
3	Giá đỗ, cà rốt xào	Dưa hấu	Cải thảo, cà rốt xào	Bắp cải xào	Su su, cà rốt xào
4	Canh bí xanh nấu tôm	Canh cải xanh nấu thịt	Canh thịt nấu chua	Canh cải cúc nấu thịt	Canh bí đỏ nấu thịt
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
6	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Kem Caramen Hoa Sữa	Bánh mì bơ ruốc	Sữa chua Vinamilk	Chuối tiêu+ bánh gạo



ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỞNG

TRƯỞNG
TIỂU HỌC
LONG BIÊN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Mai Hương

ĐẠI DIỆN CMHS

Hoàng Thị Mai



ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA

CÔNG TY
TNHH
CHẾ BIẾN XUẤT ĂN
HOA SỮA

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (02/02)	Cá rô phi file chiên xù	Cá rô phi file	gram	65	105,000	6,825	50-52	150.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu mọt sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	170.0	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Lãi dự kiến	600	
	Giá đỗ, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	45-50	20.0	Phí quản lý	300	
	Canh bí xanh nấu tôm	Bí xanh	gram	28	25,000	700	220-240	20.0	NRB+ N.lau sản	150	
		Tôm nõn khô	gram	0.5	600,000	300			Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Nước sạch	150	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		45.0	VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000					
	Cộng thứ 2					22,900		775.0		9,800	32,700
Thứ 3 (03/02)	Thịt gà om nấm	Thịt gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	160.0	Chất đốt	1,200	
	Thịt lợn xào ngũ sắc	Thịt lợn	gram	15	140,000	2,100	40-45	55.0	Nhân công	4,500	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450			Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	7	25,000	175			Phí quản lý	300	
		Ngô ngọt hạt	gram	13	80,000	1,040			NRB+ N.lau sản	150	
									Khấu hao	300	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	25.0	Nước sạch	150	
	Canh cải xanh nấu thịt	Cải xanh	gram	28	25,000	3,500	220-240	25.0	VAT	2,600	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0			
	Kem Caramen Hoa Sữa	Kem Caramen Hoa Sữa	hộp	1	5,000	5,000		140.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000					
	Cộng thứ 3					26,495		775.0		9,800	36,295
Thứ 4 (04/02)	Thịt bò hầm sốt vang	Thịt bò	gram	50	240,000	12,000	60-65	130.0	Chất đốt	1,200	
		Khoai tây, cà rốt	gram	40	30,000	1,200			Nhân công	4,500	
	Trứng chưng hành	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	95.0	Lãi dự kiến	600	
	Cải thảo, cà rốt xào	Cải thảo, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	10.0	Phí quản lý	300	
	Canh thịt nấu chua thả giá	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	26.0	NRB+ N.lau sản	150	
		Giá đỗ	gram	15	25,000	375			Khấu hao	300	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Nước sạch	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	VAT	2,600	
	Bánh mì bơ ruốc	Bánh mì bơ ruốc	bánh	1	4,500	4,500		100.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000					
	Cộng thứ 4					27,355		731.0		9,800	37,155

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (05/02)	Chả cốm chiên chấm sốt tương cà	Chả cốm	gram	63	120,000	7,560	50-52	200.0	Chất đốt	1,200	
		Tương cà	gram	10	50,000	500	8-10		Nhân công	4,500	
	Thịt gà nấu cà ri	Thịt gà file	gram	40	95,000	3,800	40-45	150.0	Lãi dự kiến	600	
		Khoai tây, cà rốt	gram	40	30,000	1,200			Phí quản lý	300	
	Bắp cải xào	Bắp cải	gram	90	25,000	2,250	50-55	54.0	NRB+ N.lau sàn	150	
	Canh cải cúc nấu thịt	Cải cúc	gram	28	25,000	3,500	220-240	70.0	Khấu hao	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			Nước sạch	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	VAT	2,600	
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		64.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000					
Cộng thứ 5						27,490		908.0		9,800	37,290
Thứ 6 (06/02)	Thịt viên sốt dầu hào	Thịt lợn	gram	35	140,000	4,900	55-60	180.0	Chất đốt	1,200	
		Mỡ lợn	gram	10	85,000	850			Nhân công	4,500	
		Giò sống	gram	35	135,000	4,725			Lãi dự kiến	600	
	Đậu tằm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	150.0	Phí quản lý	300	
	Su su, cà rốt xào	Su su gọt vỏ, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	35.0	NRB+ N.lau sàn	150	
	Canh bí đỏ nấu thịt băm	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	50.0	Khấu hao	300	
		Bí đỏ	gram	28	25,000	700			Nước sạch	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	VAT	2,600	
	Chuối + bánh gạo	Chuối	quả	1	2,200	2,200		125.0			
		Bánh gạo	bánh	1	2,500	2,500					
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000					
Cộng thứ 6						24,555		910.0		9,800	34,355

